

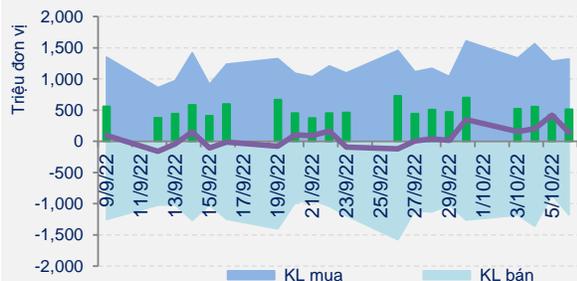
MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/10/2022

Thống kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,074.52	235.13
% Thay đổi	↓ -2.69%	↓ -2.89%
KLGD (CP)	511,469,706	52,720,042
GTGD (tỷ đồng)	11,110.10	951.49
Tổng cung (CP)	1,175,960,533	89,134,500
Tổng cầu (CP)	1,317,611,411	68,083,000

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	38,477,200	188,529
KL mua (CP)	28,005,500	511,647
GT mua (tỷ đồng)	871.03	11.70
GT bán (tỷ đồng)	1,004.64	4.10
GT ròng (tỷ đồng)	(133.61)	7.61

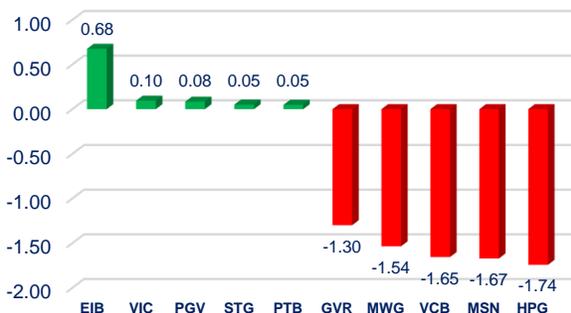
Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



CÁC CỔ PHIẾU CÓ ẢNH HƯỞNG NHẤT ĐẾN VN-INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ điều chỉnh nhẹ trong phiên đêm qua sau hai phiên tăng điểm mạnh liên tiếp. Tuy nhiên tâm lý các nhà đầu tư tại thị trường Việt Nam lại rất tiêu cực dẫn đến áp lực bán áp đảo và mạnh dần lên về cuối phiên khiến cho các chỉ số kết phiên ở gần sát mức thấp nhất ngày.

VN-Index giảm 29,74 điểm (-2,69%) xuống 1.074,52 điểm, HNX-Index giảm 6,99 điểm (-2,89%) xuống 235,12 điểm. Thanh khoản phiên hôm nay gia tăng so với phiên hồi phục trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên một chút.

Sau phiên hôm qua mua ròng với giá trị ròng đạt 225,46 tỷ đồng trên sàn HOSE, khối ngoại quay trở lại bán ròng trong phiên hôm nay với giá trị ròng đạt 133,6 tỷ đồng. HPG (-6,3%) tiếp tục bị bán ròng nhiều nhất với 199,1 tỷ đồng. Tiếp theo là NVL (37,9 tỷ đồng), STB (35,9 tỷ đồng), HAH (23,5 tỷ đồng).

Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn thuộc VN30 (-3,22%) thậm chí còn giảm mạnh hơn thị trường với 28/30 giảm (1 mã giảm sàn), có thể kể đến những cái tên như GVR (-6,8%), MWG (-6,8%), SSI (-6,7%), STB (-6,5%), HPG (-6,2%)... Chỉ còn VIC (+0,2%) là còn duy trì được sắc xanh và TPB đứng giá.

Toàn bộ các nhóm ngành cổ phiếu đều chìm trong sắc đỏ trong phiên hôm nay trước áp lực bán mạnh về cuối phiên.

Nhóm cổ phiếu trụ cột thị trường là ngân hàng giảm mạnh với STB (-6,5%), VPB (-2,9%), TCB (-3,9%), MBB (-5,7%), CTG (-2,7%), SHB (-6%), ACB (-3,8%)... Tuy nhiên, vẫn còn một số ngân hàng kết phiên trong sắc xanh là EIB (+6,3%), VBB (+2,2%), KLB (+0,8%).

Cổ phiếu chứng khoán là nhóm tăng mạnh nhất thị trường trong phiên hôm qua thì đến phiên hôm nay, mọi thành quả của phiên trước đã biến mất khi hàng loạt mã giảm sàn và giảm mạnh VND (-6,7%), SSI (-6,7%), HCM (-7%), VCI (-6,9%), VIX (-6,9%)...

Cổ phiếu dầu khí sau khi tăng khá tốt trong phiên sáng đã đảo chiều sang giảm về chiều với các mã như PVD (-2%), PVS (-3,5%), PVC (-2,9%), PLX (-2,4%), OIL (-1%), PVB (-2,9%)...

Trên thị trường phái sinh, hợp đồng tương lai VN30 tháng 10/2022 đang thấp hơn so với chỉ số cơ sở VN30 với mức chênh lệch -1,36 điểm. Điều này cho thấy các trader đang nghiêng về khả năng thị trường có thể tiếp tục điều chỉnh.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/10/2022

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Sau phiên hồi phục hôm qua, thị trường lại quay đầu giảm trong phiên hôm nay với mức giảm còn mạnh hơn mức tăng hôm qua. Đồng thời, thanh khoản trong phiên hôm nay cũng gia tăng so với phiên trước đó và cao hơn mức trung bình 20 phiên một chút cho thấy áp lực bán ra trong phiên hôm nay vẫn mạnh.

Với việc giảm trở lại trong phiên hôm nay thì VN-INDEX vẫn chưa thể lấy lại được ngưỡng 1.120 điểm tương ứng với cạnh dưới của kênh giá sideways down trước đó. Nên rủi ro để chỉ số này có thể tiếp tục giảm trong thời gian tới là vẫn còn với target nếu đo đúng theo kênh giá kể trên có thể là quanh ngưỡng 950 điểm.

Chỉ báo động lượng RSI (14) đang trong trạng thái quá bán phiên thứ chín liên tiếp, chỉ thấp hơn mức kỷ lục vào đầu năm 2020 khi dịch Covid-19 xuất hiện tại Việt Nam là mười tám phiên liên tiếp. Do vậy có thể kỳ vọng lực cầu bắt đáy sẽ xuất hiện trong các phiên tiếp theo giúp thị trường hồi phục kỹ thuật với kháng cự tâm lý gần nhất quanh 1.100 điểm.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

VN-INDEX chịu áp lực bán ngay tại vùng 1.110 điểm và kết phiên giảm mạnh -2,69% về mức 1.074,52 điểm với khối lượng gia tăng 25,97% so với phiên trước cho thấy áp lực bán vẫn rất mạnh đặc biệt là tại các mã trong VN30 dưới áp lực cắt lỗ ngắn hạn, giải chấp, rút vốn ủa các quỹ ETF. VN-INDEX quay lại gần mức giá thấp nhất ngày 04/10/2022 tương ứng 1.069,74 điểm nhưng đã có rất nhiều mã có giá thấp hơn vùng giá thấp nhất ngày 03,04/10/2022 với khối lượng bán đột biến.

Tâm lý ngắn hạn của thị trường vẫn rất bi quan, VN-INDEX có rủi ro không giữ được giá thấp nhất 03/10/2022 và điều chỉnh vùng 1.030-1.056 điểm vùng giá thấp nhất tháng 01, 02/2021 thời điểm sau khi vượt đỉnh năm 2019 và back test thành công và vùng giá 1.000-1.030 điểm tương ứng vùng giá cao nhất năm 2019 tháng 11/2029 trước thời điểm giảm mạnh do đại dịch Covid. Nếu kịch bản này xảy ra, sau gần đúng 03 năm, thị trường, VN-INDEX lại quay trở về vùng giá trước khi có đại dịch toàn cầu.

Xu hướng ngắn hạn của VN-INDEX vẫn chưa xác nhận kết thúc suy giảm, trường hợp kết thúc sẽ có điều chỉnh rung lắc kiểm tra lại. Nhà đầu tư duy trì tỉ trọng hợp lý, có thể xem xét chọn lọc giải ngân một phần, tỉ trọng dưới trung bình, các mã cơ bản tốt sau quá trình giảm mạnh về các vùng hỗ trợ mạnh, định giá hấp dẫn và vẫn duy trì tăng trưởng tốt.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo danh mục cổ phiếu khuyến nghị của chúng tôi để có quyết định hợp lý.



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 6/10/2022

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
HAH	40.30	40-43	60-61	38	3.9	106.8%	191.1%	Theo dõi chờ giải ngân
DRC	26.25	28-29.5	34-36	24	11.5	-4.7%	-21.2%	Theo dõi chờ giải ngân
IJC	14.50	15.6-17	25-26	15	6.1	26.8%	6.6%	Theo dõi chờ giải ngân
DGC	71.60	63-68	88-92	57	5.4	96.3%	455.2%	Theo dõi chờ giải ngân
TNG	16.20	15-16.5	21-23	13	5.8	35.8%	41.3%	Theo dõi giải ngân, vùng hỗ trợ 15-16
PHR	49.90	44-50	62-64	42	9.3	-49.0%	-32.6%	Theo dõi chờ giải ngân
NKG	16.20	14-17	20-21	13	2.4	2.7%	-76.2%	Theo dõi chờ giải ngân
VCI	25.45	25-26.5	32-33	22	7.3	18.8%	-26.7%	Theo dõi chờ giải ngân
MBS	16.00	15-17	22-23	13	7.7	-20.3%	-8.8%	Theo dõi chờ giải ngân
KDH	26.25	25-28	33-34	23	13.5	-34.1%	24.6%	Theo dõi chờ giải ngân
NLG	26.65	25-28	33-35	22	12.9	209.6%	135.4%	Theo dõi giải ngân, vùng hỗ trợ 26-28
SGP	15.39	13-16	19-21	12	4.1	-13.7%	-16.3%	Theo dõi chờ giải ngân
HPG	18.00	16-19	24-25	15	3.5	6.6%	-58.5%	Theo dõi giải ngân, vùng hỗ trợ 17-19
DPG	31.90	30-34	43-44	29	5.1	51.5%	26.1%	Theo dõi giải ngân, vùng hỗ trợ 31-33
MBB	18.10	18-19	23-24	16	5.8	0.0%	78.1%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỜ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
29/6/2022	VPI	59.70	57.45	76-78	58	3.92%	Nắm giữ
30/9/2022	TDC	19.55	16.30	25-26	18.5	19.94%	Nắm giữ. Cổ tức 7% tiền mặt
30/9/2022	PLC	23.00	26.00	34-35	25	-11.54%	Bán, dừng lỗ
5/10/2022	GIL	29.50	29.00	41-42	25	1.72%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Kinh tế 9 tháng qua những con số

9 tháng đầu năm, GDP tăng 8,83% so với cùng kỳ năm trước, là mức tăng cao nhất trong 12 năm.
Mỗi tháng bình quân có 18.100 doanh nghiệp thành lập mới và quay lại hoạt động.
Chỉ số CPI tháng 9 tăng 0,4% so với tháng trước và tăng 3,94% so với cùng kỳ năm trước.
9 tháng, Việt Nam duy trì được tỷ lệ lạm phát thấp 2,73%.

Tiền điện các gia đình sẽ thay đổi ra sao với cách tính mới được Bộ Công Thương đề xuất?

Mức giá bán lẻ điện bình quân với nhóm sinh hoạt không thay đổi, nhưng sẽ có nhóm khách hàng được giảm tiền điện và ngược lại.
Giá bán điện theo 4 cấp điện áp cũng sẽ được đề xuất áp dụng cho nhóm khách hàng sản xuất.

Từ 7/10, BOT Cai Lậy chính thức thu phí

Giá vé qua trạm thu phí ở QL1 (theo mức thuế VAT 8%) thấp nhất là 14.000 đồng, cao nhất là 118.000 đồng.
Thời gian thu phí theo hợp đồng là 6 năm 4 tháng 29 ngày.

Đề xuất giá điện sinh hoạt mới, cao nhất hơn 3.300 đồng/kWh

Đối với giá điện sinh hoạt, đề án thay đổi theo hướng rút gọn từ 6 bậc còn 5 bậc.
Phương án này giữ nguyên giá điện hiện hành cho bậc đầu từ 0 - 100 kWh nhằm đảm bảo ổn định giá điện cho các hộ nghèo, hộ chính sách xã hội.

TIN DOANH NGHIỆP

Thêm nhiều doanh nghiệp nộp hồ sơ niêm yết HoSE

HoSE công bố nhận 5 bộ hồ sơ niêm yết cổ phiếu vào những ngày cuối tháng 9. Từ đầu năm đến nay, HoSE ghi nhận 3 cổ phiếu và 2 chứng chỉ quỹ mới đi vào giao dịch. Cổ phiếu Gỗ An Cường sẽ có phiên giao dịch đầu tiên tại HoSE vào ngày 10/10, giá tham chiếu 67.300 đồng/cp.

Chủ tịch và Tổng giám đốc Thibidi nộp đơn từ nhiệm

Ngày 4/10, ông Nguyễn Trọng Trung nộp đơn từ nhiệm Chủ tịch Thibidi để đảm nhiệm vị trí công tác mới. Trước đó, ngày 27/9, ông Cao Hoàng Phát nộp đơn xin từ nhiệm vị trí Tổng giám đốc từ ngày 10/10 với lý do sức khỏe.\

Thương hiệu nội thất Baya 'âm thầm' về với NovaGroup?

Baya đã âm thầm gia nhập hệ sinh thái NovaGroup thông qua công ty con Nova Capital Partners. Baya đã có 2 cửa hàng đặt tại khu NovaWorld Phan Thiết (Bình Thuận) và NovaWorld Hồ Tràm.

Gỗ An Cường giao dịch trên HoSE từ 10/10, chốt quyền tạm ứng cổ tức tỷ lệ 11%

Cổ phiếu ACG có phiên giao dịch đầu tiên tại HoSE vào 10/10, giá tham chiếu 67.300 đồng/cp. Công ty tạm ứng cổ tức tiền mặt đợt 1/2022 tỷ lệ 11%, ngày 17/10 đăng ký cuối cùng.

Ông Phạm Nhật Vượng lập công ty quản lý và đầu tư bất động sản vốn 18.000 tỷ đồng

CTCP Quản lý và Đầu tư Bất động sản VMI được thành lập do ông Phạm Nhật Vượng là cổ đông chính. Ông Phạm Nhật Vượng góp vốn bằng gần 243,5 triệu cổ phiếu VIC, tương ứng 90% cổ phần VMI.

PVEP lãi trước thuế 20.950 tỷ đồng sau 9 tháng

Sau 9 tháng PVEP ghi nhận tổng doanh thu 34.500 tỷ đồng, lãi trước thuế 20.950 tỷ đồng. Sản lượng khai thác 9 tháng của PVEP đạt gần 2,8 triệu tấn quy dầu, hoàn thành 88% kế hoạch năm.

First Real sẽ trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 20% trong tháng 10 hoặc tháng 11

First Real sẽ phát hành 8,9 triệu cổ phiếu để trả cổ tức niên độ trước theo tỷ lệ 20%. Đơn vị này vẫn thường xuyên chia cổ tức bằng cổ phiếu kể từ khi niêm yết trên HoSE vào năm 2018.

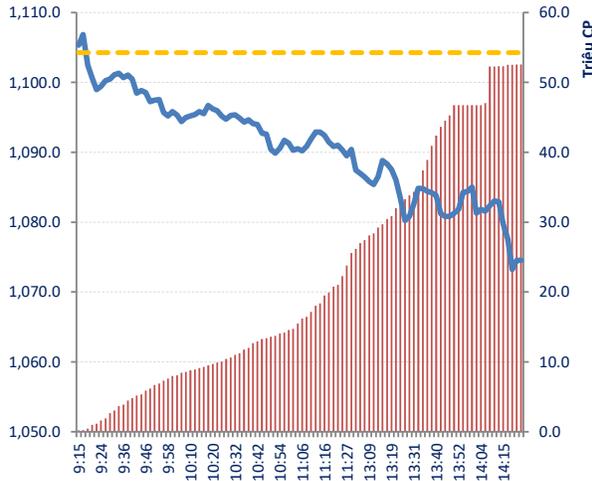
Cổ phiếu 'trôi' về đáy 23 tháng, Hòa Phát rơi top 10 doanh nghiệp vốn hóa lớn nhất sàn chứng khoán

Thời đỉnh cao, Hòa Phát là doanh nghiệp giá trị lớn thứ 4 sàn chứng khoán nhưng việc vốn hóa mất đến hơn 143.000 tỷ đồng trong gần 1 năm qua đã khiến "vua thép" rớt đài. Thị giá HPG liên tục giảm sâu, "trôi" tụt xuống vùng giá 1x - điều mà chỉ vài tháng trước ít ai nghĩ tới.

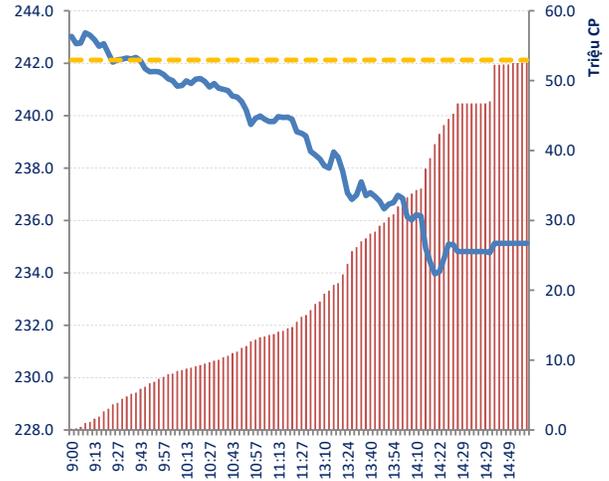


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



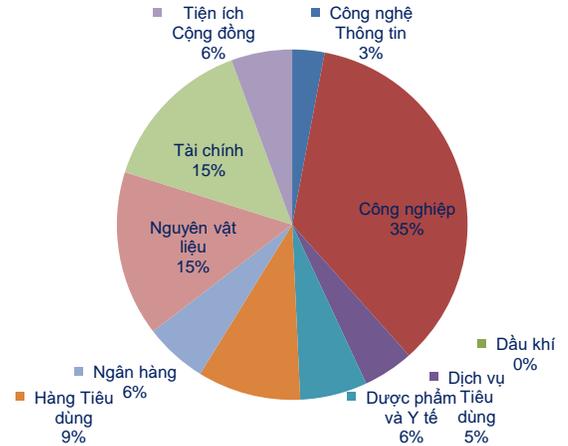
KLGD và HNX-Index trong phiên



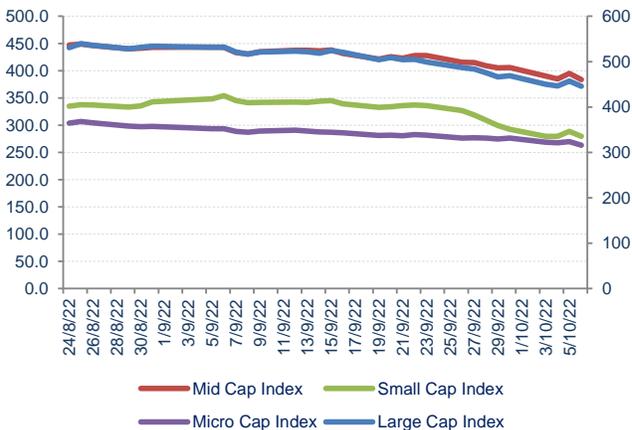
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



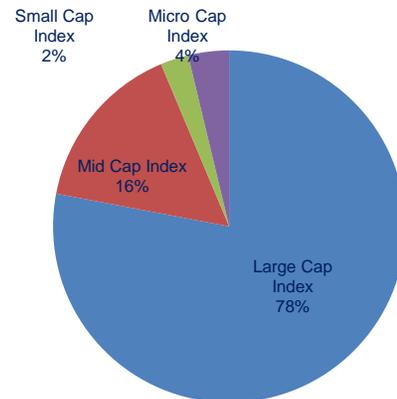
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	1,631,300	HPG	10,797,600	1	PVS	286,872	MBS	30,600
2	FUEVFNVD	1,562,400	STB	1,941,400	2	PVI	38,300	TVC	27,000
3	PVD	1,045,100	SSI	866,600	3	PVG	9,000	VCS	8,353
4	DPM	868,600	BCG	861,000	4	NTP	8,100	L14	3,600
5	VCB	293,100	HAH	557,000	5	SHS	7,000	BCC	2,500

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
HPG	19.20	18.00	↓ -6.25%	37,610,800	SHS	9.40	8.70	↓ -7.45%	7,786,749
HAG	12.40	11.55	↓ -6.85%	34,386,100	PVS	23.00	22.20	↓ -3.48%	6,937,902
STB	19.25	18.00	↓ -6.49%	18,656,100	IDC	48.00	46.30	↓ -3.54%	5,107,403
EIB	34.75	36.95	↑ 6.33%	14,414,600	CEO	19.50	18.00	↓ -7.69%	3,441,550
VND	16.40	15.30	↓ -6.71%	14,379,500	PVC	17.20	16.70	↓ -2.91%	1,965,204

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
FUESSV50	17.20	18.40	1.20	↑ 6.98%	HTC	23.00	25.30	2.30	↑ 10.00%
STG	30.25	32.35	2.10	↑ 6.94%	VNT	60.70	66.70	6.00	↑ 9.88%
TNC	63.50	67.90	4.40	↑ 6.93%	SSM	5.10	5.60	0.50	↑ 9.80%
PNC	8.75	9.35	0.60	↑ 6.86%	L43	5.20	5.70	0.50	↑ 9.62%
L10	21.30	22.75	1.45	↑ 6.81%	SDG	20.00	21.90	1.90	↑ 9.50%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DPG	34.30	31.90	-2.40	↓ -7.00%	EID	21.00	18.90	-2.10	↓ -10.00%
NLG	28.65	26.65	-2.00	↓ -6.98%	UNI	12.00	10.80	-1.20	↓ -10.00%
CIG	6.32	5.88	-0.44	↓ -6.96%	SDU	33.30	30.00	-3.30	↓ -9.91%
HCM	22.30	20.75	-1.55	↓ -6.95%	APS	12.20	11.00	-1.20	↓ -9.84%
FUEKIV30	8.20	7.63	-0.57	↓ -6.95%	V12	15.40	13.90	-1.50	↓ -9.74%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	37,610,800	32.1%	5,164	3.7	1.1
HAG	34,386,100	14.6%	750	16.5	2.5
STB	18,656,100	10.3%	1,902	10.1	1.0
EIB	14,414,600	11.2%	1,659	21.0	2.2
VND	14,379,500	12.3%	358	45.7	1.4

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	7,786,749	25.5%	1,165	8.1	0.8
PVS	6,937,902	4.1%	1,106	20.8	0.9
IDC	5,107,403	34.0%	5,604	8.6	2.4
CEO	3,441,550	7.2%	969	20.1	1.4
PVC	1,965,204	0.9%	150	114.7	1.1

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
FUESSV50	↑ 7.0%	N/A	N/A	N/A	N/A
STG	↑ 6.9%	12.1%	2,366	12.8	1.5
TNC	↑ 6.9%	19.1%	3,354	18.9	3.6
PNC	↑ 6.9%	-9.4%	(1,393)	-	0.6
L10	↑ 6.8%	6.4%	1,634	13.0	0.8

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HTC	↑ 10.0%	8.2%	1,421	16.2	1.3
VNT	↑ 9.9%	12.5%	1,984	30.6	3.9
SSM	↑ 9.8%	-4.8%	(635)	-	0.4
L43	↑ 9.6%	-36.6%	(4,137)	-	0.5
SDG	↑ 9.5%	4.4%	2,020	9.9	0.4

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	1,631,300	15.1%	3,057	7.2	1.0
FUEVFNND	1,562,400	N/A	N/A	N/A	N/A
PVD	1,045,100	0.0%	1	15,989.3	0.8
DPM	868,600	49.9%	14,573	3.0	1.2
VCB	293,100	21.7%	5,271	13.6	2.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	286,872	4.1%	1,106	20.8	0.9
PVI	38,300	8.0%	2,729	15.0	1.2
PVG	9,000	2.0%	272	34.9	0.7
NTP	8,100	18.5%	4,027	9.2	1.6
SHS	7,000	25.5%	1,165	8.1	0.8

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	338,375	21.7%	5,271	13.6	2.8
VHM	234,265	21.9%	6,510	8.3	1.8
VIC	228,836	-0.3%	(121)	-	1.7
GAS	204,793	23.6%	6,738	15.9	3.4
BID	160,861	14.6%	2,569	12.4	1.7

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
KSF	24,990	6.6%	1,356	61.4	3.8
IDC	15,840	34.0%	5,604	8.6	2.4
THD	15,155	13.1%	2,295	18.9	2.6
BAB	12,363	7.9%	889	17.1	1.3
PVS	10,993	4.1%	1,106	20.8	0.9

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
PET	2.81	9.2%	2,027	15.3	1.4
DXS	2.69	5.3%	1,022	14.6	0.7
FTS	2.55	32.6%	4,716	6.6	1.8
VIX	2.51	20.7%	724	12.7	0.7
CTS	2.50	8.7%	772	19.9	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L14	3.08	26.4%	5,178	12.2	5.4
MBS	2.63	14.4%	750	22.5	1.5
BII	2.62	-2.9%	(318)	-	0.3
SHS	2.51	25.5%	1,165	8.1	0.8
TVC	2.49	0.1%	16	426.8	0.4

THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)


Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	292.09	32.1%	5,164	3.7	1.1
NVL	63.83	7.6%	1,655	49.6	3.6
MSN	42.72	27.1%	7,170	12.7	3.4
HAH	30.79	37.2%	10,309	4.2	1.2
MBB	29.30	24.2%	3,467	5.5	1.2

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DPM	-42.63	49.9%	14,573	3.0	1.2
GAS	-26.95	23.6%	6,738	15.9	3.4
CII	-24.81	4.2%	1,430	12.9	0.6
PNJ	-21.15	20.1%	5,985	17.1	3.1
CTG	-20.02	15.1%	3,057	7.2	1.0

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PVT	1.30	9.3%	2,011	9.3	0.8
DXG	1.07	5.3%	1,218	15.5	0.8
SSI	0.98	13.0%	1,091	17.1	1.3
SKG	0.96	-0.8%	(97)	-	1.2
IDI	0.96	15.9%	2,287	5.9	0.9

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VCI	-1.52	18.0%	1,593	17.2	1.7
REE	-1.22	14.1%	6,599	11.7	1.6
HDG	-1.04	25.1%	5,709	6.6	1.5
EIB	-1.00	11.2%	1,659	21.0	2.2
VHM	-0.83	21.9%	6,510	8.3	1.8

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	26.07	23.6%	6,738	15.9	3.4
CII	24.24	4.2%	1,430	12.9	0.6
GMD	19.88	12.2%	2,915	17.1	1.9
BVH	14.90	0.4%	123	412.1	1.6
BID	11.53	14.6%	2,569	12.4	1.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-92.96	32.1%	5,164	3.7	1.1
FUEVFNVD	-79.04	N/A	N/A	N/A	N/A
MSN	-50.62	27.1%	7,170	12.7	3.4
E1VFN30	-42.03	N/A	N/A	N/A	N/A
MBB	-29.29	24.2%	3,467	5.5	1.2

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FUEVFNVD	79.33	N/A	N/A	N/A	N/A
E1VFN30	40.16	N/A	N/A	N/A	N/A
DPM	37.77	49.9%	14,573	3.0	1.2
CTG	35.72	15.1%	3,057	7.2	1.0
VCB	20.55	21.7%	5,271	13.6	2.8

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-199.68	32.1%	5,164	3.7	1.1
NVL	-37.85	7.6%	1,655	49.6	3.6
STB	-36.24	10.3%	1,902	10.1	1.0
HAH	-23.56	37.2%	10,309	4.2	1.2
SSI	-16.56	13.0%	1,091	17.1	1.3



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn